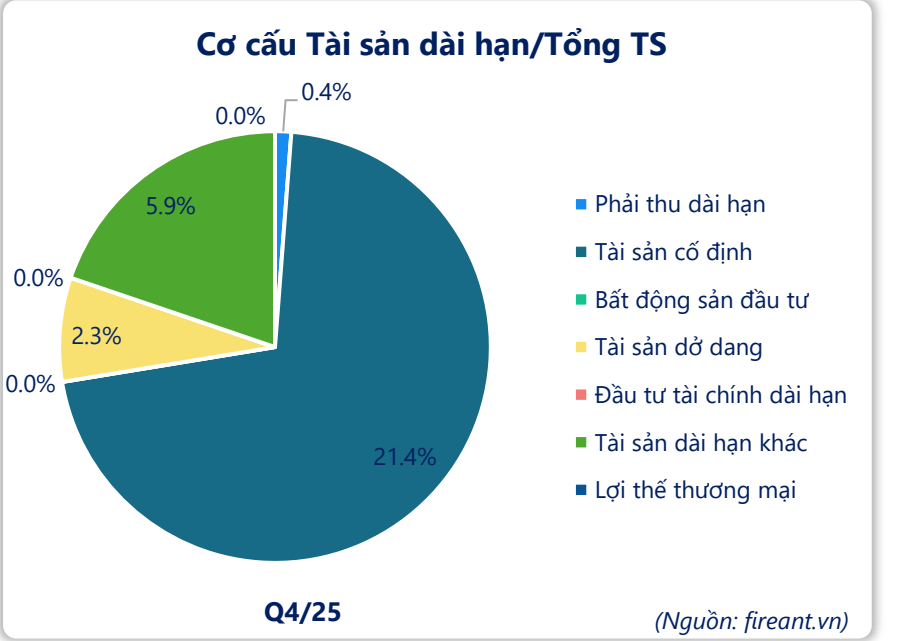
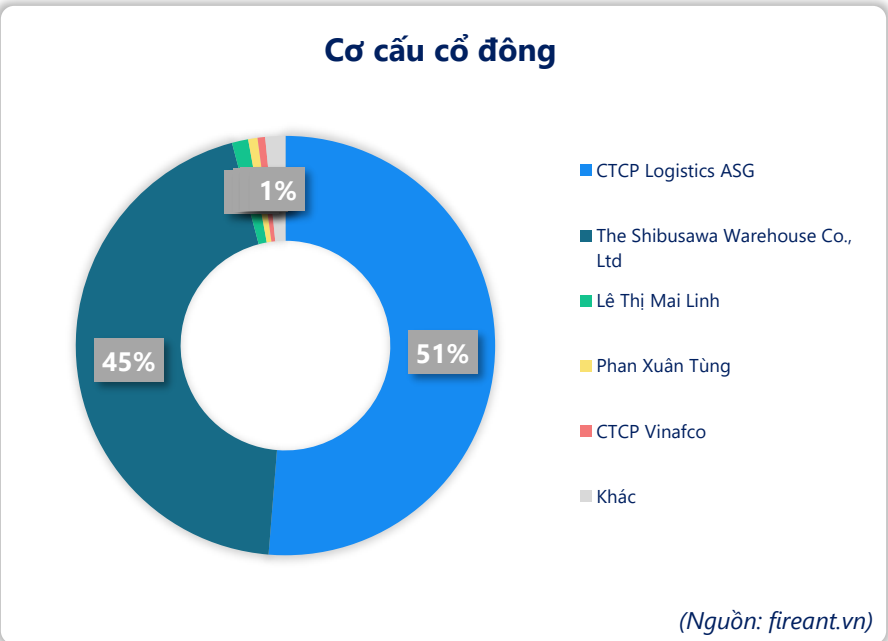
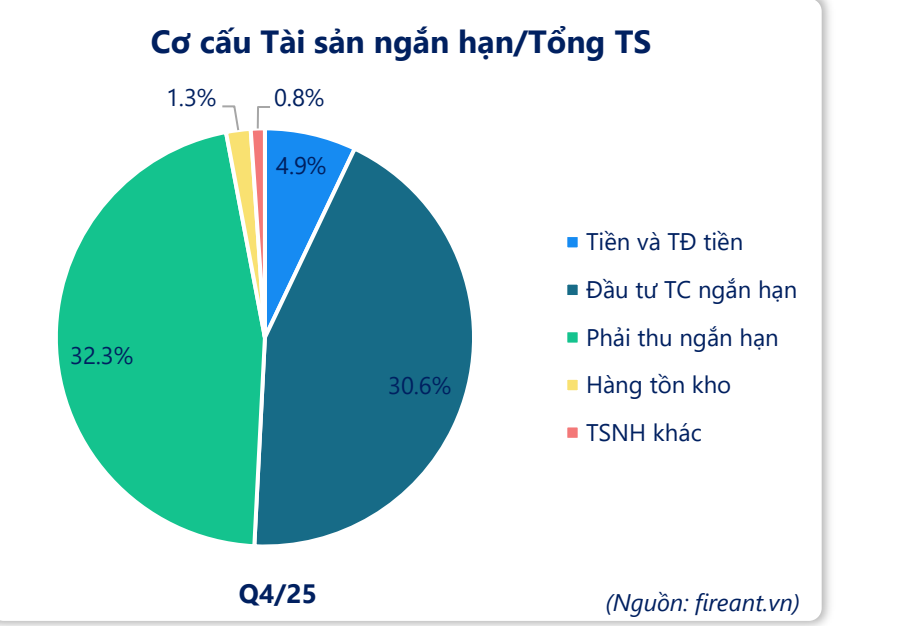
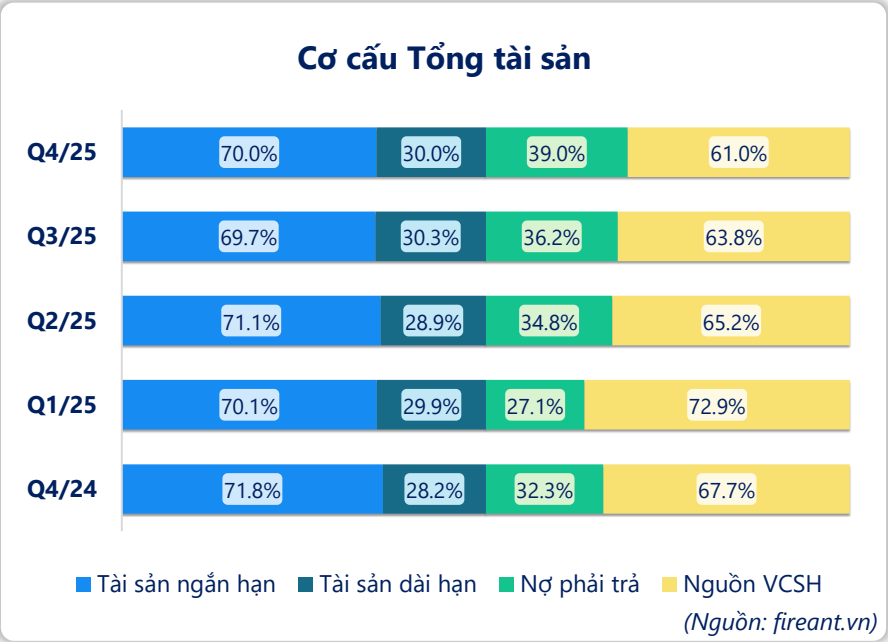
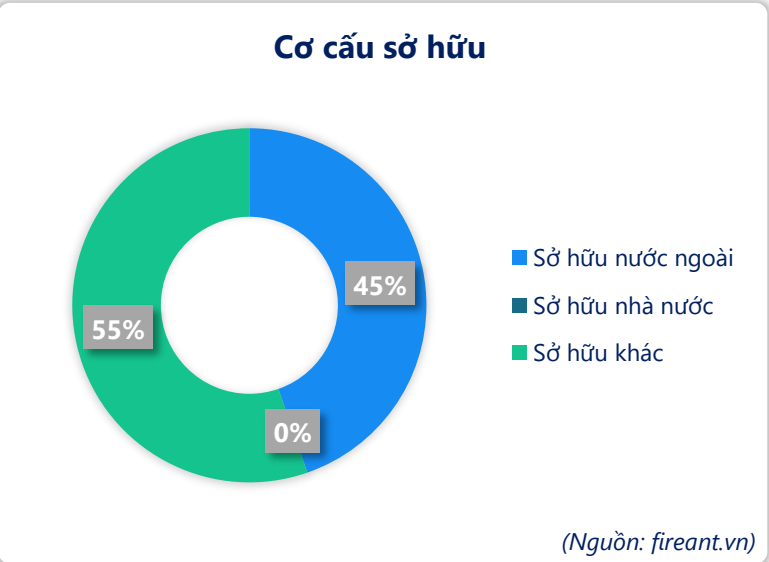
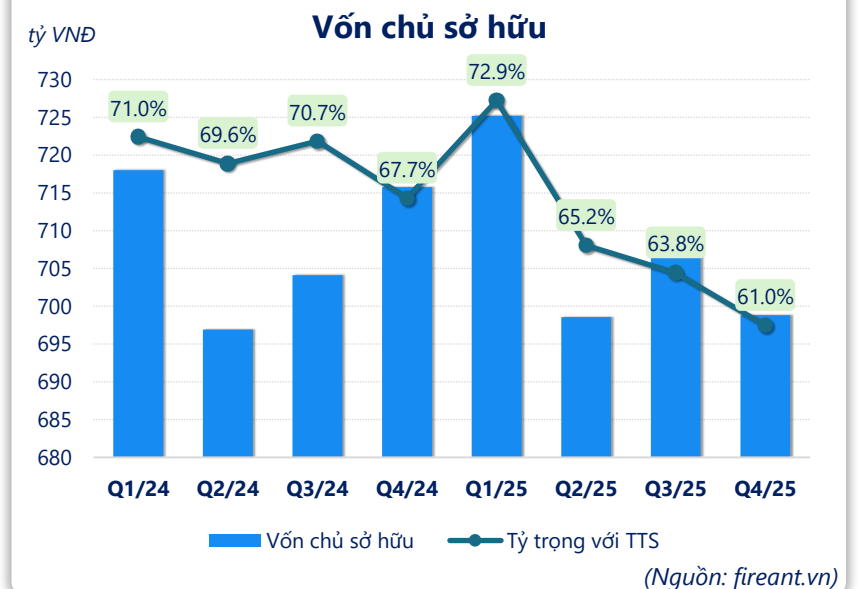
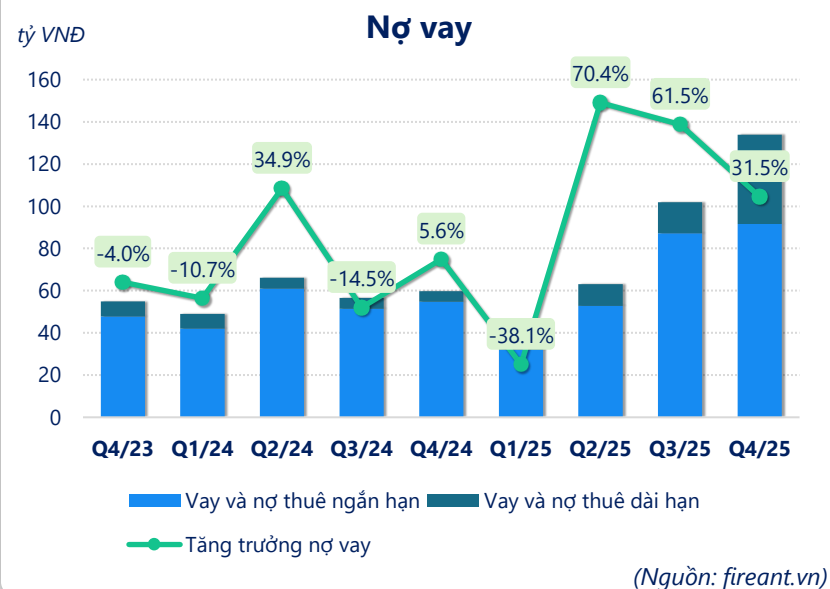
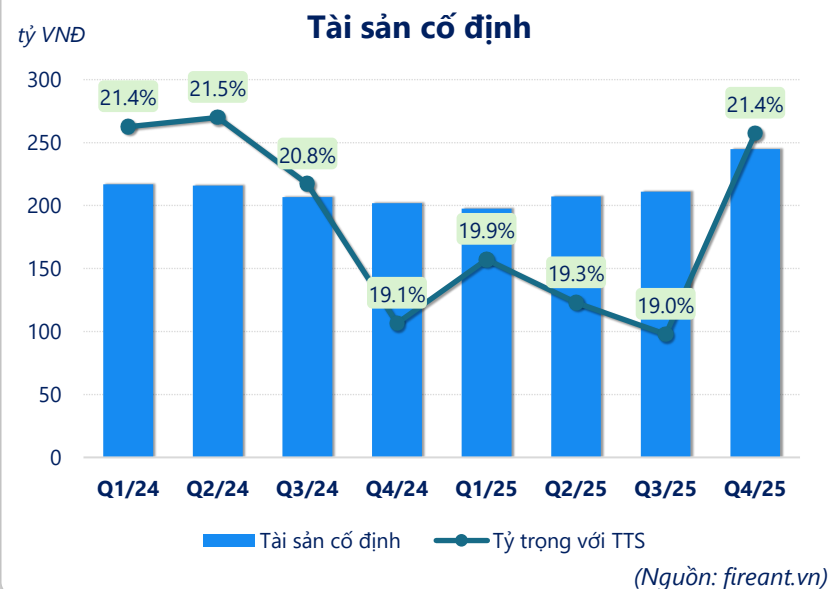
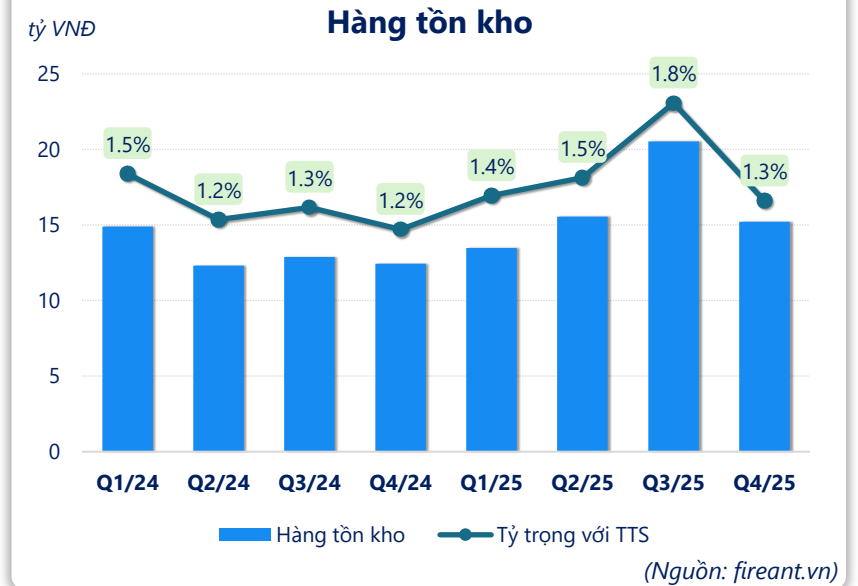
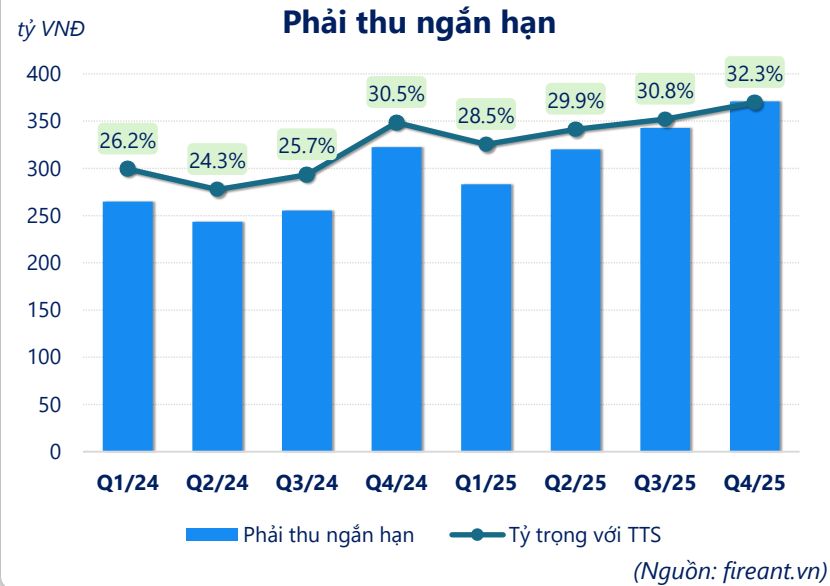
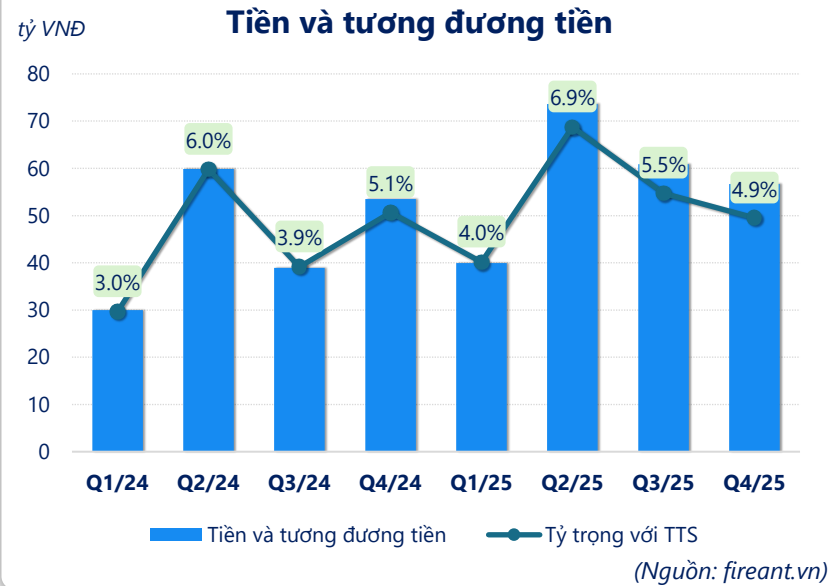
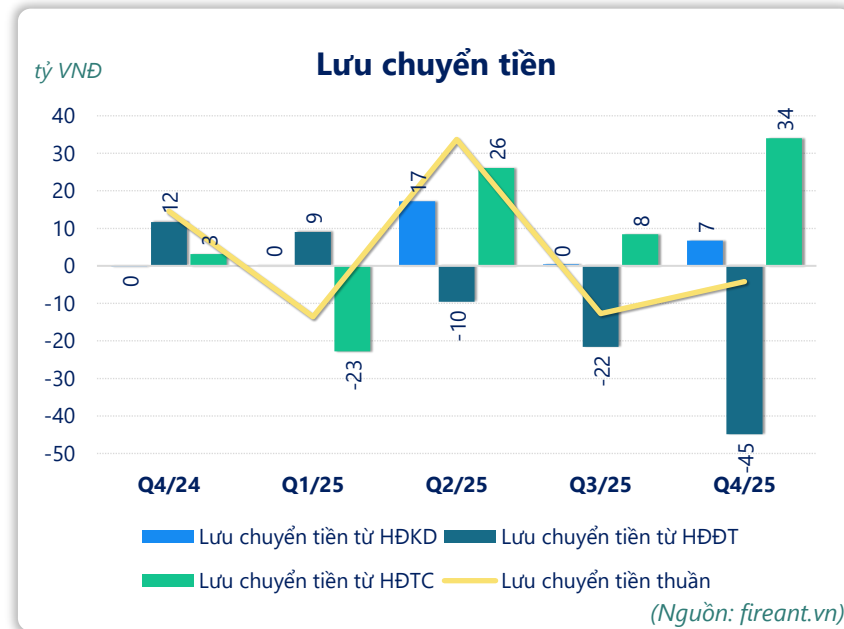
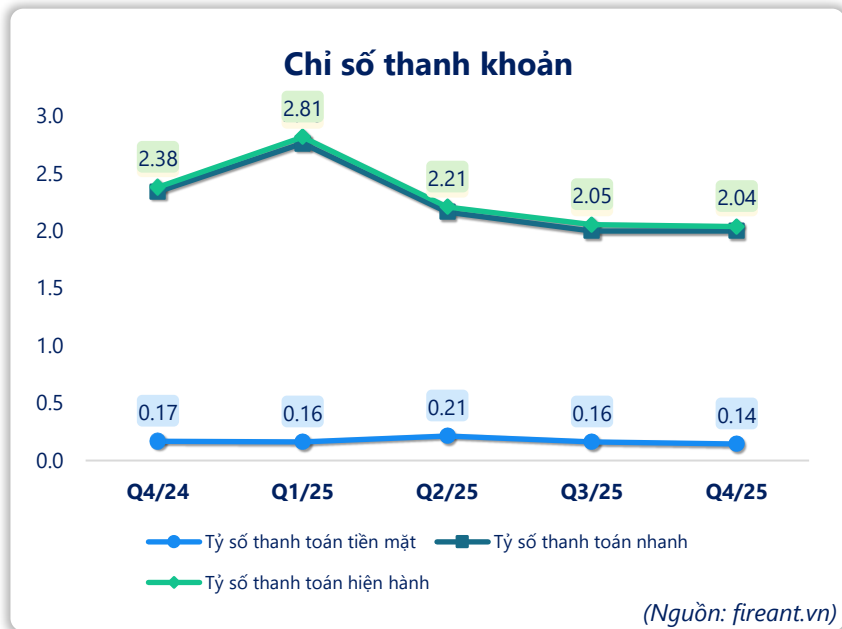
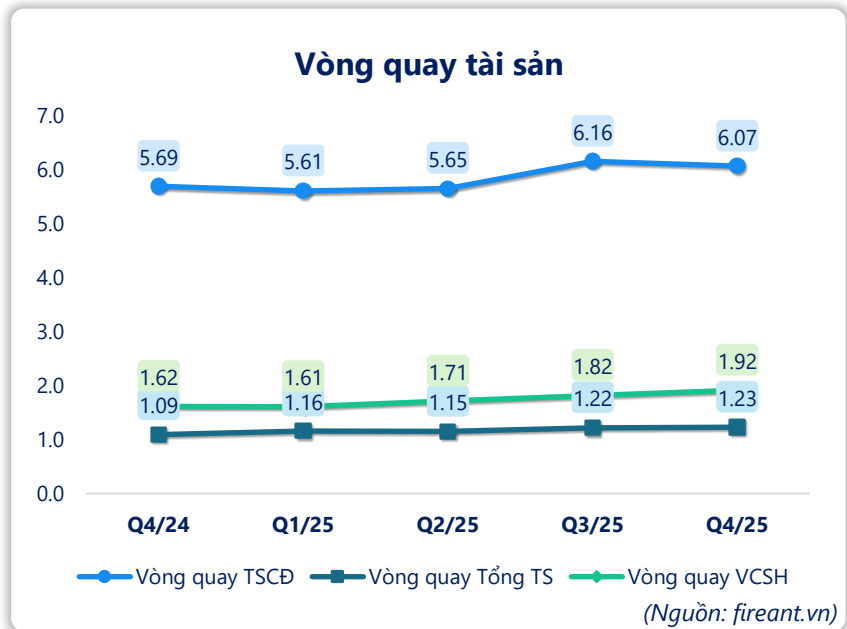
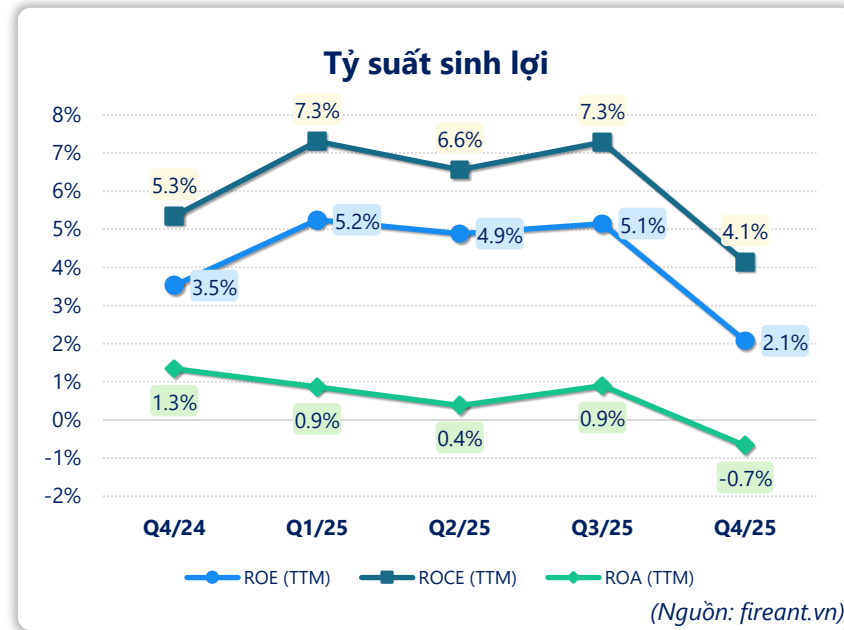
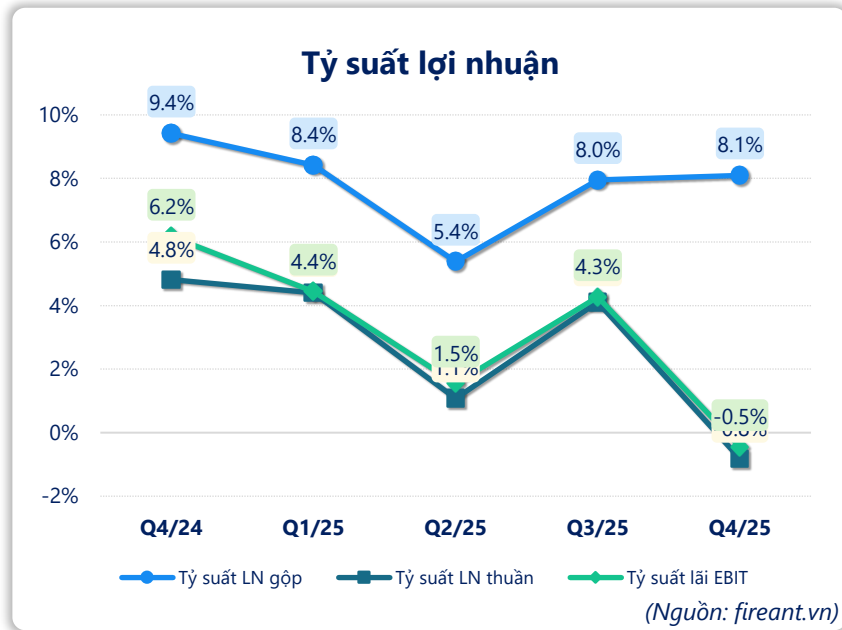
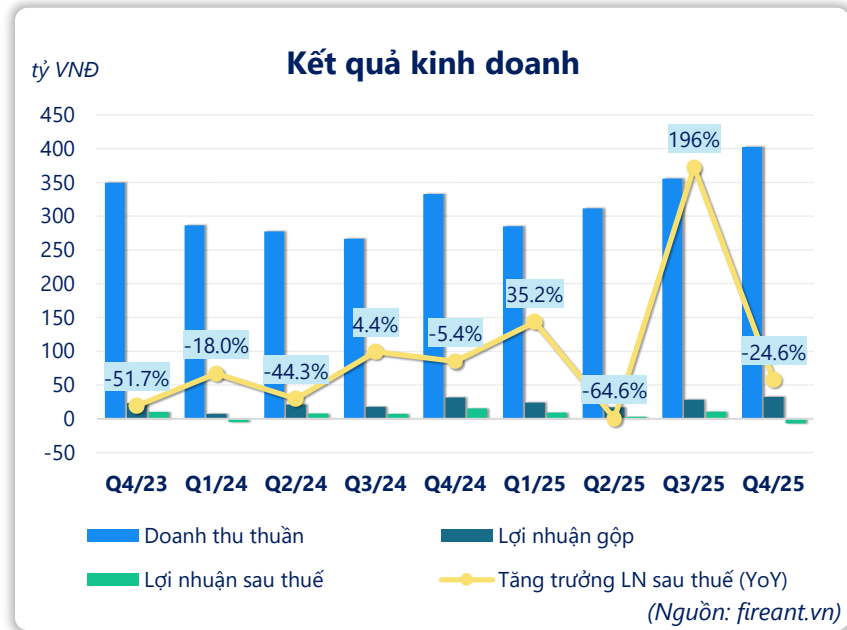


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		96,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		107,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		76,430
SL cổ phiếu LH		33,801,062
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		44.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,258
P/E		222.0
EPS		434

	YTD	1T	3T	6T
VFC	-1.0%	0.0%	-1.0%	-10.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,146	1,057	8.4%
Tài sản ngắn hạn	802	758	5.8%
Tiền và tương đương tiền	56.7	53.5	5.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	351	363	-3.3%
Phải thu ngắn hạn	371	322	15.0%
Hàng tồn kho	15.2	12.4	22.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.73	7.44	17.4%
Tài sản dài hạn	344	298	15.2%
Phải thu dài hạn	4.17	30.6	-86.4%
Tài sản cố định	245	202	21.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.8	6.34	323%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	68.1	59.7	14.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	447	341	31.1%
Nợ ngắn hạn	394	319	23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.5	54.7	67.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	229	198	15.7%
Nợ dài hạn	53.1	22.1	140%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.3	5.04	741%
Nguồn vốn chủ sở hữu	699	716	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	699	716	-2.4%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	333	285	312	356	402
Giá vốn hàng bán	302	261	295	327	370
Lợi nhuận gộp	31.3	24.0	16.8	28.3	32.6
Doanh thu HĐTC	5.49	4.90	5.50	4.62	5.89
Chi phí TC	0.79	0.62	0.71	0.95	1.74
Chi phí lãi vay	0.70	0.57	0.64	0.92	1.71
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	20.0	15.7	18.2	17.3	40.0
LN thuần từ HĐKD	16.0	12.5	3.36	14.6	-3.29
Lợi nhuận khác	3.81	-0.44	0.82	-0.34	-0.24
LN trước thuế	19.8	12.1	4.18	14.3	-3.53
Lợi nhuận sau thuế	15.2	9.45	3.15	10.6	-6.71
LNST của CĐ cty mẹ	14.3	8.65	3.95	9.49	-7.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.24	0.17	17.2	0.39	6.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.7	9.02	-9.54	-21.6	-44.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.15	-22.8	26.1	8.40	34.0
Tiền đầu kỳ	38.9	53.5	39.9	73.6	60.9
Lưu chuyển tiền thuần	14.6	-13.6	33.7	-12.8	-4.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	53.5	39.9	73.6	60.9	56.7

(Nguồn: fireant.vn)